TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2023/DS-ST Ngày: 16- 6 - 2023 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hạnh

2. Bà Bùi Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thịnh- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Trần Phương Duy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 và 16 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 439/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Võ Thị D, sinh năm 1967
- Ông Nguyễn Lộc C, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Vùng 5, xã P, thị xã Đp, tỉnh Quảng Ngãi;

Bị đơn: Bà Trương Thị Ngọc B, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn AT, xã PA, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Thanh P, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường PQ, thị xã Đp, tỉnh Quảng Ngãi;

Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/9/2022, đơn khởi kiện bổ sung, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị D, ông Nguyễn Lộc C trình bày:

Giữa bà Dvà bà Trương Thị Ngọc B cùng buôn bán tại chợ nhỏ Vùng 5 Phổ Thuận. Bà Dcó cho bà B mượn nhiều lần trước năm 2021, còn bao nhiêu lần bà Dkhông nhớ; số tiền từng lần 200.000.000 đồng, 100.000.000 đồng, 50.000.000 đồng, 80.000.000 đồng. Bà B mượn để làm tàu cá. Giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng nhưng bà B chưa trả lãi. Đến ngày 15/11/2021 âm lịch giữa hai bên chốt lại sổ sách, vợ chồng bà B còn nợ vợ chồng bà D 500.000.000 đồng. Hai bên cũng thỏa thuận lãi 2%/tháng. Đến ngày 06/12/2021 âm lịch vợ chồng bà Trương Thị Ngọc B cam đoan trả 600.000.000 đồng cho vợ chồng bà D , ông Cầu. 600.000.000 đồng là khoản tiền vợ chồng bà B vay 500.000.000 đồng vào ngày 15/11/2021 âm lịch cộng thêm 100.000.000 đồng là tiền vợ chồng bà B mượn thêm, tiền bia, nước ngọt trong đám cưới con trai bà B.

Trong giấy mượn ngày 15/11/2021 âm lịch có ghi dòng chữ "đã trả một trăm triệu đồng" chữ này bà B ghi, do tin việc bà B nói đưa 100.000.000 đồng để trả nợ nên bà D mới đưa giấy vay cho bà B ghi dòng này nhưng bà B không đưa tiền nên bà D đã giựt lại giấy nợ, không cho bà B ghi ngày tháng năm, còn thực tế bà B không trả cho vợ chồng bà D 100.00.000 đồng. Về phía chị Trần Thị Thanh P mượn 200.000.000 đồng vào ngày 06/12/2021 âm lịch, chị P cũng ghi đã trả 100.000.000 đồng nhưng chị P không đưa cho bà D đồng nào cả, phần mượn của chị P không liên quan đến khoản nợ của bà B.

Ngày 06/12/2021 âm lịch ông Trần C1ghi cam đoan trả cho vợ chồng bà D 600.000.000 đồng, trường hợp không trả thì bán đất vườn nhà thanh toán nợ cho vợ chồng bà. Do ông Trần C1 đã chết nên bà D , ông C chỉ yêu cầu bà B phải trả cho vợ chồng bà D , ông C khoản nợ 600.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi 2%/tháng, cộng với 8 tháng tiền lãi từ 15/11/2021 đến 15/7/2022 âm lịch với số tiền lãi 600.000.000 đồng x 8 tháng = 96.000.000 đồng, bà B đã trả 10.000.000 đồng vào ngày 08/8/2022 âm lịch, khoản tiền này được trả vào nợ lãi nên bà B còn nợ 600.000.000 đồng tiền gốc và 86.000.000 đồng tiền lãi. Vợ chồng bà D , ông C không yêu cầu khoản tiền gốc, tiền lãi nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trương Thị Ngọc B trình bày:

Bà và bà Võ Thị D có quen biết xã hội. Từ năm 2017 đến năm 2018, bà Trương Thị Ngọc B nhiều lần mượn tiền bà Võ Thị D với số tiền gốc 170.000.000 đồng và 52.000.000 đồng tiền lãi, cuối năm 2018 bà D tính tổng lãi và gốc là 222.000.000 đồng, từ năm 2019 đến năm 2021 bà không có khả năng trả gốc, lãi nên đến năm 2021 bà D chốt lại số nợ mà vợ chồng bà nợ bà D là 500.000.000 đồng. Bà đã viết giấy mượn tiền ngày 15-11-2021 (âm lịch) đưa cho bà D . Hai bên thỏa thuận lãi suất là 300.000 đồng/10.000.000 đồng/tháng nhưng kể từ thời điểm chốt nợ trở về sau bà chưa trả cho bà D tiền lãi. Ngày 06/12/2021 (âm lịch), bà D cho con gái bà là chị Trần Thị Thanh P mượn số tiền là 100.000.000 đồng nhưng bà không biết lý do gì bà D và chị P ghi giấy mượn 200.000.000 đồng nên khi biết việc ngay ngày hôm sau, bà gặp bà D để xác nhận lại số tiền mượn của chị Phố. Bà D đồng ý đưa giấy mượn tiền ngày 15-11-2021 cho bà viết đã trả 100.000.000 đồng để trừ vào số tiền bà đã mượn bà D vì theo giấy mượn tiền giữa chị P và bà D ghi nhầm chênh lệch 100.000.000 đồng. Bà viết "đã trả một trăm triệu đồng" trong giấy mượn tiền ngày 15-11-2021 âm lịch mục đích là để khấu trừ nợ trong trường hợp bà D áp dụng giấy chị P mượn tiền ghi nhầm, thực tế bà không trả 100.000.000 đồng cho bà D .

Đầu năm 2022 bà D sử dụng sổ đỏ của vợ chồng bà và buộc chồng bà phải ghi Giấy cam đoan trả 600.000.000 đồng. Do ông Trần C1 đã ghi cam đoan nên bà đồng ý ký vào. Trong 600.000.000 đồng này có khoản nợ của vợ chồng bà 500.000.000 đồng và tiền nợ của chị P 100.000.000 đồng.

Bà chỉ nợ bà D , ông C khoản nợ 500.000.000 đồng, bà đã trả cho bà D 10.000.000 đồng vào ngày 08/8/2022 âm lịch. Trường hợp bà D rút đơn kiện chị P thì bà sẽ trả luôn 600.000.000 đồng, chị P không phải trả nợ cho bà D . Bà xin miễn tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thanh P trình bày:

Chị là con gái của bà Trương Thị Ngọc B. Trưa ngày 06/12/2021 chị có đề nghị mượn bà Võ Thị D, ông Nguyễn Lộc C 100.000.000 đồng để làm ăn. Bà D đến nhà và đưa cho chị 75.000.000 đồng. Khi đó chị có ghi giấy và đưa cho bà D . Số tiền mượn được ghi trong giấy là 200.000.000 đồng, trong đó phần của chị mượn 75.000.000 đồng, còn 125.000.000 đồng là mượn cho mẹ chị. Chiều cùng ngày chị đã trả cho bà D 100.000.000 đồng, phần ghi số tiền đã trả 100.000.000 đồng, "đã trả cô diệp 100 tr" đáng lẽ được ghi phía dưới cùng nhưng do trang giấy đã ghi đến dòng cuối nên bà D có yêu cầu chị ghi lên phía trên chỗ còn trống dưới dòng chữ "số tiền 200. triệu chẵn". Chị đã ghi theo yêu cầu của bà D . Như vậy chị chỉ còn nợ bà D 100.000.000 đồng. Còn việc giữa mẹ chị và bà D có quan hệ tiền bạc như thế nào thì chị không rõ. Việc cha mẹ ghi giấy mượn nợ của bà D 600.000.000 đồng như thế nào thì chị không rõ.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trương Thị Ngọc B phải trả cho bà Võ Thị D, ông Nguyễn Lộc C 600.000.000 đồng nợ gốc, về tiền lãi: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính 8 tháng tiền lãi đối với số tiền 500.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Võ Thị D, ông Nguyễn Lộc C có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Trương Thị Ngọc B ở Thôn AT, xã PA, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Trương Thị Ngọc B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà B và chị P.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo giấy vay tiền ngày 15/11/2021 âm lịch, người vay là ông Trần Cậy, bà Trương Thị Ngọc B, bên cho vay là bà Võ Thị D, số tiền vay là 500.000.000 đồng, giấy này do bà B viết, bà B thừa nhận hai bên đã chốt lại toàn bộ tiền gốc và lãi trước đây vợ chồng bà B mượn và ghi tổng số nợ đến ngày 15/11/2021 âm lịch là 500.000.000 đồng. Trong giấy này có ghi "đã trả một trăm triệu đồng", nguyên nhân có dòng chữ này theo bà D khai bà B nói đưa cho bà D 100.000.000 đồng để trả nợ cho bà nhưng bà B không đưa nên bà D chỉ cho phép bà B ghi "đã trả một trăm triệu đồng" không có ghi ngày tháng năm. Bà B khai việc ghi đã trả số tiền này chỉ nhằm mục đích khấu trừ vào khoản tiền mà chị Trần Thị Thanh P đã vay bà D , ông C theo giấy chị P ghi ngày 06/12/2021 âm lịch với số tiền vay mượn 200.000.000 đồng, thực tế bà B không trả số tiền 100.000.000 đồng cho bà D . Mặc dù cả hai bên không thống nhất lý do ghi nhưng đều thừa nhận chỉ ghi chứ thực tế không có trả 100.000.000 đồng, do vậy đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo giấy cam đoan, không ghi ngày nhưng bà B khai ghi vào đầu năm 2022, Bà D khai ghi vào ngày 06/12/2021 âm lịch, như vậy có thể xác định giấy này được ghi sau thời điểm ghi giấy vay tiền ngày 15/11/2021 âm lịch.

Xét yêu cầu trả 600.000.000 nợ trong giấy cam đoan này, bà B trình bày trong 600.000.000 đồng có 500.000.000 đồng của vợ chồng bà mượn cộng với 100.000.000 đồng chị P mượn nhưng bà B không có chứng cứ để chứng minh, bà D , ông C không thừa nhận 100.000.000 đồng là tiền chị P mượn nên lời khai của bà B là không có cơ sở để chấp nhận.

Bà D khai trong 600.000.000 đồng ghi trong giấy cam đoan có 500.000.000 đồng theo giấy vay ngày 15/11/2021 âm lịch với lãi suất 2%/tháng và khoản tiền 100.000.000 đồng là tiền mượn thêm, tiền bia, tiền nước ngọt. Giấy cam đoan do vợ chồng bà Bích, ông Trần C1 cùng ký nhưng bà Bích, ông Trần C1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do ông Trần C1 đã chết nên bà D , ông C chỉ đòi bà B phải trả 600.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 469 Bô luật dân sự.

Xét yêu cầu trả lãi: trong giấy vay tiền ngày 15/11/2021 âm lịch không thể hiện lãi nhưng bà B và bà D thừa nhận có lãi nhưng mức lãi hai bên đưa ra không thống nhất nên Hội đồng xét xử lấy mức lãi 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bô luật dân sự.

Bà D yêu cầu tính 8 tháng lãi từ 15/11/2021 âm lịch đến 15/7/2022 âm lịch. Số tiền 500.000.000 đồng hai bên có thỏa thuận lãi, còn tiền 100.000.000 đồng bà D , ông C khai là tiền mượn thêm, tiền bia, nước ngọt nên không tính lãi. Số tiền lãi tính theo mức quy định pháp luật là 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng, trong 8 tháng từ 15/11/2021 âm lịch đến 15/7/2022 âm lịch theo yêu cầu của bà D , ông C đối với số tiền 500.000.000 đồng có thỏa thuận lãi là: 500.000.000 đồng x 0,83 %/tháng x 8 tháng = 33.200.000 đồng.

Bà B đã trả 10.000.000 đồng nên số tiền lãi được tính còn lại bà B phải trả là 23.200.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị D và ông Nguyễn Lộc C về việc yêu cầu buộc bà Trương Thị Ngọc B phải trả số tiền lãi 62.800.000 đồng còn lại.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trương Thị Ngọc B phải chịu 28.928.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị D và ông Nguyễn Lộc C phải chịu 3.140.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi không được chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trương Thị Ngọc B phải trả cho bà Võ Thị D và ông Nguyễn Lộc C 623.200.000 đồng *(sáu trăm hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng)* trong đó bao gồm 600.000.000 đồng tiền gốc và 23.200.000 đồng tiền lãi.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị D và ông Nguyễn Lộc C về việc yêu cầu buộc bà Trương Thị Ngọc B phải trả số tiền lãi còn lại là 62.800.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án chậm thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: bà Trương Thị Ngọc B phải chịu 28.928.000 đồng *(hai mươi tám triệu chín trăm hai mươi tám nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị D và ông Nguyễn Lộc C phải chịu 3.140.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 15.720.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp; bà D và ông C được hoàn trả 12.580.000 đồng *(mười hai triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004083 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- THADS thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Hồng Mỹ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Hồng Mỹ